

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 266/2024/DS - PT

Ngày 27 – 8 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và bà Nguyễn Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Việt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk
Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trần
Thị Xuân Linh Byá - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2024/TLPT- DS ngày 16 tháng 7
năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2024/DS - ST ngày 28/5/2024 của Tòa án
nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2024/QĐ- PT ngày 23
tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 237/2024/QĐ
– PT ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N1; địa chỉ: B L, Quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Tiến N – Chức vụ: Trưởng
phòng khách hàng hộ sản xuất và cá nhân Ngân hàng N1 – Chi nhánh tỉnh Đ, có đơn
xin vắng mặt.

Địa chỉ: E N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh B, có mặt và bà Cao Thị H, vắng mặt;

Địa chỉ: A B, đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Tiến N trình bày:

Ông Nguyễn Thanh B đã ủy quyền cho vợ là bà Cao Thị H vay vốn tại A Chi
nhánh tỉnh Đ – Phòng G theo Giấy ủy quyền đã được Văn phòng C công chứng ngày
21/04/2020 có số công chứng: 000739, quyền số TP/CC-SCC/HĐGD.

Bà Cao Thị H đã vay vốn tại A Chi nhánh tỉnh Đ – Phòng G theo hai Hợp đồng
tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202000980 ngày 22/4/2020: Ngày
22/04/2020, bà Cao Thị H đã vay vốn tại A Chi nhánh tỉnh Đ – Phòng G với số tiền

là 1.800.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất tại thời điểm vay vốn là 9%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán quan tài, dịch vụ mai táng.

+ Thực hiện hợp đồng: từ ngày vay đến nay, bà Cao Thị H chưa thanh toán được tiền gốc và đã thanh toán được 127.282.192 đồng tiền lãi (trả lãi hết ngày 13/02/2021).

Trong thời gian khách hàng vay vốn, để hỗ trợ phần nào khó khăn tài chính của khách hàng và tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng có điều kiện thanh toán nợ vay đúng hạn, Ngân hàng đã điều chỉnh giảm lãi suất tiền vay như sau: từ ngày 05/11/2020 lãi suất tiền vay đã được điều chỉnh giảm xuống còn 8%/năm.

Để thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H và ông B đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240315778/TC/2019 ngày 18/04/2019 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng N1 – Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng G. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng đúng theo quy định của pháp luật.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BA 372258, do UBND thành phố B cấp ngày 03/03/2010, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố B cập nhật thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất vào ngày 05/06/2010 đứng tên ông Nguyễn Thanh B và bà Cao Thị H, đất có diện tích đất 224,2 m², thuộc thửa đất số 131; tờ bản đồ số 54; Nhà và đất tọa lạc tại A Y, phường E, Thành phố B, Tỉnh Đắk Lắk.

+ Nợ vay tính đến ngày 28/05/2024 là: 2.496.920.575 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.800.000.000 đồng; lãi trong hạn là 473.424.685 đồng và lãi quá hạn là 223.495.890 đồng. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông B, bà H vẫn không trả nợ vay đúng theo cam kết của hợp đồng. Bà Cao Thị H, ông Nguyễn Thanh B đã vi phạm hợp đồng tín dụng về việc trả nợ gốc và nợ lãi.

- Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202002047 ngày 28/7/2020 bà Cao Thị H đã vay vốn tại A Chi nhánh tỉnh Đ – Phòng G với số tiền là 200.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất tại thời điểm vay vốn 9%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh mua bán quan tài, dịch vụ mai táng.

+ Thực hiện hợp đồng: Từ ngày vay đến nay bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B chưa thanh toán được tiền gốc và cũng chưa thanh toán được tiền lãi.

Trong thời gian khách hàng vay vốn, để hỗ trợ phần nào khó khăn tài chính của khách hàng và tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng có điều kiện thanh toán nợ vay đúng hạn, Ngân hàng đã điều chỉnh giảm lãi suất tiền vay như sau: từ ngày 29/7/2020 lãi suất tiền vay đã được điều chỉnh giảm xuống còn 8%/năm.

+ Nợ vay tính đến ngày 28/05/2024 là: 284.126.027 đồng; trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; tiền lãi, lãi trong hạn là: 61.419.178 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 28/5/2024 là: 22.706.849 đồng. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông B, bà H vẫn không trả nợ vay đúng hạn. Bà Cao Thị H đã vi phạm hợp đồng tín dụng về việc trả nợ gốc và nợ lãi.

Để đảm bảo cho Ngân hàng thu hồi được nợ theo quy định của pháp luật, Ngân hàng N1 kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên xử:

- Buộc bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B phải thanh toán ngay toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng, trong đó gồm: 2.000.000.000 đồng gốc theo 02 hợp đồng tín dụng, tiền lãi suất và lãi phạt theo 02 hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bà H, ông B tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 29/05/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc theo quy định tại hai Hợp đồng tín dụng: số 5200-LAV-202000980 ngày 22/4/2020 và hợp đồng số 5200-LAV-202002047 ngày 28/7/2020.

- Trường hợp bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B không thanh toán hết nợ vay nói trên cho Ngân hàng N1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, cưỡng chế phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên nói trên để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không đồng ý khoan nợ vì vợ chồng bà H, ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong thời gian đã lâu.

2. Bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/4/2019 và sau đó tôi có ủy quyền cho vợ tôi là bà Cao Thị H đi giao dịch vay vốn tại Phòng G.

Vợ chồng tôi đã ký 02 hợp đồng tín dụng để vay: 2.000.000.000 đồng và lãi xuất: Tổng cộng là: 2.620.608.219 đồng tính đến ngày 27/9/2023.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Nguyễn Thanh B và bà Cao Thị H, có diện tích đất 224,2 m², thuộc thửa đất số 131; tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: tại A Y Phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nay, Ngân hàng khởi kiện thì do gia đình làm ăn buôn bán khó khăn chưa có tiền trả cho Ngân hàng nên đang thông báo bán nhà để trả nợ cho Ngân hàng sớm nhất.

Gia đình tôi từ chối đưa bà Cao Thị H đi giám định sức khỏe để tuyên bố bà Cao Thị H mất năng lực hành vi dân sự theo quy định.

3. Đối với bà Cao Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS - ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015.

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

- Buộc bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B phải thanh toán trả cho Ngân hàng N1 số tiền: 2.496.920.548 đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.800.000.000 đồng; lãi trong hạn là 473.424.658 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 28/5/2024 là: 223.495.890 đồng. Đồng thời bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202000980 ngày 22/04/2020, kể từ ngày 29/05/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc.

- Buộc bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B phải thanh toán trả cho Ngân hàng N1 số tiền 284.126.027 đồng; trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; tiền lãi, lãi

trong hạn là 61.419.178 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 28/5/2024 là 22.706.849 đồng. Đồng thời bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202002047 ngày 28/07/2020, kể từ ngày 29/05/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc.

- Ngân hàng N1 có nghĩa vụ trả lại bản gốc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số BA 372258 do UBND thành phố B cấp ngày 03/03/2010, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố B cập nhật thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất vào ngày 05/06/2010 đứng tên ông Nguyễn Thanh B và bà Cao Thị H, nhà và đất có diện tích đất 224,2 m²; thuộc thửa đất số 131; tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: tại A YWang, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà H, ông B ngay khi bà H, ông B trả hết nợ cho Ngân hàng N1.

- Trường hợp bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B không trả được số nợ cho Ngân hàng N1 thì tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BA 372258 do UBND thành phố B cấp ngày 03/03/2010, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B cập nhật thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất vào ngày 05/06/2010 đứng tên ông Nguyễn Thanh B và bà Cao Thị H. Nhà và đất có diện tích đất 224,2 m², thuộc thửa đất số 131; tờ bản đồ số 54; Nhà và đất tọa lạc tại A Y, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được xử lý phát mãi theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng N1.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2024, bị đơn ông Nguyễn Thanh B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Miễn toàn bộ lãi suất phát sinh trong hạn, quá hạn, phí phạt đối với Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202000980 ngày 22/4/2020 cho ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H. Ông B, bà H chấp nhận trả cho Ngân hàng N1 số tiền gốc 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

+ Miễn toàn bộ lãi suất phát sinh trong hạn, quá hạn, phí phạt đối với Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202002047 ngày 28/7/2020 cho ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H. Ông B, bà H chấp nhận trả cho Ngân hàng N1 số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đồng thời không đồng ý miễn giảm lãi cho bà Cao Thị H, ông Nguyễn Thanh B, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Thanh B vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của các đương sự tại phiên toà, xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B, giữ nguyên

bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS – ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh B làm trong thời hạn luật định, ông Nguyễn Thanh B là gia đình chính sách, đã có đơn xin miễn giảm án phí nên hợp lệ.

[2]. Về nội dung:

Ông Nguyễn Thanh B thừa nhận có việc ông Nguyễn Thanh B và bà Cao Thị H vay vốn tại A Chi nhánh tỉnh Đ – Phòng G theo 02 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202000980 ngày 22/4/2020 với số tiền vay là 1.800.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất tại thời điểm vay vốn là 9%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán quan tài, dịch vụ mai táng.

- Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202002047 ngày 28/7/2020 với số tiền là 200.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Lãi suất tại thời điểm vay vốn 9%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh mua bán quan tài, dịch vụ mai táng.

HĐXX xét thấy, việc các bên xác lập Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202000980 ngày 22/4/2020 và Hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202002047 ngày 28/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng N1 toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh B cho rằng do dịch Covid kéo dài nên hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mất khả năng trả nợ cho Ngân hàng, bà Cao Thị H hiện bị bệnh ung thư và tai biến tỉ lệ thương tật 88%, do đó, ông B chỉ đồng ý thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng và đề nghị miễn toàn bộ lãi suất phát sinh trong hạn, quá hạn, phí phạt, HĐXX nhận định như sau:

Khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự quy định: “Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”.

Xét thấy, mức lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H là phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. Do đó, Toà án không có quyền can thiệp vào việc thỏa thuận về lãi suất giữa các bên. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng không đồng ý miễn giảm lãi cho vợ chồng ông B, bà H nên kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Do không được chấp nhận kháng cáo nên Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên, ông B là gia đình chính sách, được chính quyền địa phương xác nhận nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS – ST ngày 28/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/5/2024 là 2.781.046.575 đồng (Hai tỷ bảy trăm tám mươi một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy lăm đồng), trong đó:

- Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202000980 ngày 22/04/2020 là 1.800.000.000 đồng; lãi trong hạn là 473.424.658 đồng và lãi quá hạn là: 223.495.890 đồng.

- Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 5200-LAV-202002047 ngày 28/07/2020 là 200.000.000 đồng; tiền lãi, lãi trong hạn là 61.419.178 đồng và lãi quá là 22.706.849 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/5/2024) vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng N1.

- Ngân hàng N1 có nghĩa vụ trả lại bản gốc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số BA 372258 do UBND thành phố B cấp ngày 03/03/2010, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố B cập nhật thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất vào ngày 05/06/2010 đứng tên ông Nguyễn Thanh B và bà Cao Thị H, nhà và đất có diện tích đất 224,2 m²; thuộc thửa đất số 131; tờ bản đồ số 54; Địa chỉ thửa đất: tại A YWang, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà H, ông B ngay khi bà H, ông B trả hết nợ cho Ngân hàng N1.

- Trường hợp bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B không trả được số nợ cho Ngân hàng N1 thì tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BA 372258 do UBND thành phố B cấp ngày 03/03/2010, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B cập nhật thông tin chủ sử dụng quyền sử dụng đất vào ngày 05/06/2010 đứng tên ông Nguyễn Thanh B và bà Cao Thị H. Nhà và đất có diện tích đất 224,2 m², thuộc thửa đất số 131; tờ bản đồ số 54; Nhà và đất tọa lạc tại A Y, phường E, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được xử lý phát mại theo quy định của pháp luật để đảm bảo việc thu hồi toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng N1.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí:

- Ngân hàng N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 42.206.082 đồng do ông Hoàng Văn T đã nộp thay theo biên lai số 0004745 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

- Bị đơn bà Cao Thị H và ông Nguyễn Thanh B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[3.2]. Ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N1 số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí đã nộp sau khi thu được từ ông Nguyễn Thanh B, bà Cao Thị H

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp BMT;
- Chi cục THADS tp BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Sâm